

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 7 -2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và ông Trần Xuân Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2024/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị O, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ hiện nay: Số nhà y, thôn 3, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà x, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, chị O và anh T đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2023 các văn bản tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị O trình bày: Chị và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 10 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình. Anh T thường đi chơi thể thao buổi chiều nhưng không về nhà ngay mà còn tụ tập uống bia đến tối muộn mới về, không chăm sóc các con, nhất là khi chị bận làm nghề. Tiền của ai làm ra người đó quản lý và chi tiêu. Anh T làm được bao nhiêu tiền lo trả nợ cho người nhà anh T. Chị lo chi tiêu cho con cái và sinh hoạt gia đình. Kinh tế của vợ chồng không liên quan gì đến nhau. Trong cuộc sống vợ chồng luôn bế tắc không thể chia sẻ, không tìm ra cách giải quyết. Ngoài ra, chị và những người trong gia đình nhà

chồng luôn mâu thuẫn bất hòa, căng thẳng. Dẫn đến cuộc sống vợ chồng quá mệt mỏi và áp lực. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn, không thể sống được với nhau nên đã sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Nhật Minh T, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lê Văn Gia T sinh ngày 17/01/2021. Các cháu ngoan khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Gia T ở với chị, cháu Minh T sống cùng anh T và bà nội tại thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Gia T, giao cháu Lê Nhật Minh T cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị đang làm nail, móng mi, make up mức thu nhập bình quân là 12.000.000đ/ tháng. Chị hoàn toàn có đủ sức khỏe và khả năng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại Bản tự khai ngày 25/4/2024, các văn bản tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Lê Văn T trình bày và đề nghị: Anh và chị Lê Thị O đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 10 năm 2015 trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Anh đi chơi thể thao nhưng chị O không đồng ý, nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2024 cho đến nay. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con. Chị O xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là cháu Lê Nhật Minh T, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lê Văn Gia T, sinh ngày 17/01/2021. Các cháu ngoan khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Cháu Minh T đang sống cùng anh và bà nội thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Cháu Gia T đang sống cùng chị O. Nếu trong trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Gia T, giao cháu Lê Nhật Minh T cho chị Lê Thị O nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại anh làm nghề lái xe mức thu nhập bình quân là 15.000.000đ/ tháng. Anh hoàn toàn có đủ khả năng để nuôi con. Mẹ anh đang còn khỏe, lâu nay bà vẫn giúp đỡ anh chăm sóc và đưa đón cháu đi học trong thời gian anh đi làm.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Biên bản xác minh ngày 15/9/2023, đại diện chính quyền UBND thị trấn T, huyện T cung cấp: UBND thị trấn Triệu Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn cho chị Lê Thị O và anh Lê Văn T vào ngày 12 tháng 10 năm 2015. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 3/2024 đến nay, địa phương không nắm được nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Chị O và anh T có

02 con chung là cháu Lê Nhật Minh T, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lê Văn Gia T, sinh ngày 17/01/2021. Các cháu ngoan, khỏe mạnh, không bị đánh đập bạo hành. Chị O và anh T làm nghề tự do, thu nhập bao nhiêu địa phương không nắm được. Chị O và anh T đều có sức khỏe, có khả năng lao động để tạo ra thu nhập, có điều kiện nuôi con.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, HĐXX và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56,81,82,83 LHNGĐ: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Gia T, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật Minh T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Phần tài sản và công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị O khởi kiện xin ly hôn anh T cư trú thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự. Chị O có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên toà lần thứ nhất, anh T vắng mặt không có lý do, HĐXX đã phải ra quyết định hoãn phiên toà. Phiên toà mở lại lần thứ hai, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lê Thị O và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân thị trấn Triệu Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 51 ngày 12 tháng 10 năm 2015 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tình cảm và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn T.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung: Cháu Lê Nhật Minh T, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lê Văn Gia T, sinh ngày 17/01/2021.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi con của đương sự: Chị O và anh T đều có nguyện vọng nuôi con, đây là nguyện vọng chính đáng. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Gia T ở cùng chị O, cháu Minh T sống cùng anh T. Các cháu

ngoan, khỏe mạnh, phát triển bình thường, được đi học đầy đủ và không bị đánh đập bạo hành. Điều đó chứng tỏ các đương sự đều có sức khỏe, có công việc, thu nhập, đủ điều kiện nuôi con. Cháu Minh T có nguyện vọng ở với bố. Cháu Gia T còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị O: Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Gia T, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật Minh T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị O, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Chị O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1,2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228, các Điều 271, 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị O được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Lê Nhật Minh T, sinh ngày 16/7/2016 và cháu Lê Văn Gia T, sinh ngày 17/01/2021. Giao cho chị O trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Văn Gia T, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nhật Minh T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị O phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số: AA/2023/0002823 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị O đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND TT Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu